

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03 tháng 7 năm 2024

Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Danh, bà Lê Bích Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2024/QĐXXST-HN, ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 319/TB-TA, ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị Ngọc H, sinh năm 1992; cư trú: Tổ X, ấp V, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1987; cư trú: Tổ Y, khóm T, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Lương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn N do mai mối tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới vào năm 2011. Đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 ngày 28/5/2013. Sau khi kết hôn, bà H sinh sống

và làm dâu bên nH chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, ông N thiếu quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình và hay ghen tuông vô cớ. Bà H và ông N đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2021 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Lại Văn S, sinh ngày 07/6/2012. Cháu S đang sống cùng bà H. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải nhưng ông N đều vắng mặt. Bà H có đơn yêu cầu không tiến Hành hòa giải, nên không tiến Hành hòa giải giữa các đương sự.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2024, ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông N thống nhất trình bày của bà H về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn tình cảm. Ông N và bà H đã ly thân từ khoảng năm 2020 cho đến nay, tình cảm không còn và ông N đồng ý ly hôn. Ông N cũng đồng ý để bà H trực tiếp nuôi con sau ly hôn và xin không cấp dưỡng.

Tòa án tiến Hành xác minh tình trạng hôn nhân, ghi nhận ý kiến con chưa tHnh niên.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa tHnh niên ngày 03/4/2024, cháu Nguyễn Lại Văn S có nguyện vọng sống cùng bà H sau khi bà H và ông N ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tHnh phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến Hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà H, ông N; kết quả xác minh và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị giao cháu Nguyễn Lại Văn S cho bà H trực tiếp nuôi dạy, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Lương Thị Ngọc H khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn ông Nguyễn Văn N cư trú khóm Tân Bình, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa nhưng bà H và ông N đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Như vậy các đương sự đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà H và kết quả xác minh xác định được, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà H và ông N là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà H và ông N đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai người không có thiện chí hàn gắn. Khi biết bà H xin ly hôn thì ông N cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, không thể duy trì quan hệ hôn nhân, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông N là phù hợp quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông N có một con chung tên Nguyễn Lại Văn S, sinh ngày 07/6/2012. Cháu S có nguyện vọng sống cùng bà H. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông N cũng đồng ý. Xét thấy nên giao cháu S cho bà H trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp nguyện vọng của cháu, không làm hưởng tâm lý, sự phát triển bình thường của cháu, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện của H về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà H đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định, ông N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Bà Lương Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Lại Văn S, sinh ngày 07/6/2012.

Ông Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn N và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Lương Thị Ngọc H. Ngược lại, bà H và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông N.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lương Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0009309 ngày 12/3/2024. (Bà H đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của bà Lương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn N là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND TT Long Bình (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu